

Ngày 19 - 9 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết;

Các Thẩm phán: 1/. Ông Phạm Hùng Nuôi;

2/. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:* Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 184/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1981.(có mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường T, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông B, sinh năm 1980.(có mặt)

Địa chỉ: Số 49, khóm T, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

4- *Người làm chứng:*

1. Ông NLC 1, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông NLC 2, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông NLC 3, sinh năm 1979. (có mặt)
Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng
5- *Người kháng cáo*: Ông A, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông A trình bày:

Vào ngày 07/11/2017 ông và ông B có ký hợp đồng tiêu thụ lúa Đông Xuân năm 2017, 2018, theo đó ông bán lúa giống cho ông B thành tiền 137.278.000đ (11.017kg X 10.500đ = 115.678.500đ, 1.800kg X 12.000đ = 21.600.000đ) và dùng số tiền này để đặt cọc mua lúa từ ông B với giá 5.400đ/kg, số lượng 600 tấn. Khi thu hoạch lúa, ông B không bán lúa với giá 5.400đ/kg cho ông mà bán cho người khác với giá cao hơn nên ông không mua. Nay ông yêu cầu ông B trả lại tiền đặt cọc (tiền lúa giống) là 89.719đ (12.817kg X 7.000đ).

Bi đơn là ông B trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông A về hợp đồng, tiền đặt cọc, giá lúa nhưng ông cho rằng giá lúa thị trường lên cao và ông yêu cầu thỏa thuận lại giá, ông A không đồng ý nên do Điền không mua lúa nên mất tiền đặt cọc.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu ông B trả lại số tiền lúa giống đã dùng để đặt cọc.

Buộc ông B trả cho ông A số tiền lúa giống là 16.250.000 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 24/7/2019, nguyên đơn ông A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông A, buộc ông B trả lại tiền đặt cọc theo yêu cầu của ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ông A là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định. Việc vắng mặt người làm chứng ông NLC 2 không ảnh hưởng đến xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông A thì thấy, nguyên đơn ông A yêu cầu bị đơn ông B trả tiền đặt cọc mua lúa là 89.719.000đ với lý do là ông A bán lúa giống cho ông B với số tiền 137.278.000đ dùng để đặt cọc mua lúa vụ Đông – Xuân năm 2017, 2018 với giá lúa thương phẩm là 5.400đ/kg, số lượng 600 tấn lúa thương phẩm. Đến khi thu hoạch, do giá lúa lên cao, ông B không bán lúa như giá đã thỏa thuận. Còn bị đơn ông B cho rằng do ông A không đến mua lúa giá 5.400đ/kg. Sự việc đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc ông B trả số tiền lúa giống là 16.250.000đ vì ông A không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông A kháng cáo yêu cầu ông B trả toàn bộ số tiền cọc là 89.719.000đ (89.719đ (12.817kg X 7.000đ là tiền lúa giống).

Theo Hợp đồng tiêu thụ lúa Đông Xuân năm 2017-2018 ngày 07/11/2017 (bút lục 07, 08) thể hiện bên mua hàng (ông A) bán lúa giống cho ông B với số tiền 137.278.000đ ((trong đó một loại 11.017kg X 10.500đ = 115.678.500đ và loại hai 1.800kg X 12.000đ = 21.600.000đ). Thay cho số tiền đặt cọc lúa hàng hóa mà bên ông B cung cấp cho bên ông A, giá lúa thương phẩm mua lại là 5.400đ, số lượng 600 tấn. Đây là sự kiện pháp lý không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự vì bị đơn ông B thừa nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông A đồng ý đòi lại tiền lúa giống đặt cọc với giá trung bình là 7.000đ/kg X 12.817kg = 89.719.000đ. Đây là sự tự nguyện của ông A và có lợi cho ông B nên Tòa ghi nhận vấn đề này của ông A.

Tuy nhiên, đến thời điểm thu hoạch lúa Đông Xuân năm 2017 – 2018, giá lúa thị trường lên cao so với giá theo hợp đồng, bên nhận cọc là ông B có yêu cầu thỏa thuận lên giá lúa với bên đặt cọc là ông A nhưng ông A không đồng ý, hai bên

xảy ra việc cự cãi và không thực hiện theo hợp đồng. Án sơ thẩm cho rằng bên ông A không có chứng cứ chứng minh việc ông B đề nghị tăng giá lúa, nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông A là không chính xác, mà trong trường hợp này nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên nhận cọc, bên bán lúa là ông B, bởi vì theo hợp đồng giá lúa thương phẩm là 5.400đ/kg, chỉ khi nào giá lúa thấp hơn thì bên đặt cọc mới bỏ cọc vì lỗ, trong khi theo Tờ tường trình ngày 28/12/2018 (bút lục 32), Tờ tường trình ngày 13/12/2019 (bút lục 35) cũng như tại phiên tòa bị đơn ông B đều thừa nhận thời điểm thu hoạch lúa Đông Xuân năm 2017-2018 giá lúa lên cao và ông B đã bán cho người khác (Ông H, địa chỉ quận T, thành phố Cần Thơ) với giá 6.000đ/kg. Như vậy, việc hai bên không thực hiện được theo hợp đồng là do lỗi của bên nhận cọc là ông B vì đã từ chối việc bán lúa cho bên đặt cọc là ông A với giá 5.400đ/kg.

Theo Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “...nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do đó, bên nhận đặt cọc ông B phải trả cho bên đặt cọc ông A số tiền đặt cọc là 89.719.000đ, hay nói cách khác yêu cầu khởi kiện của ông A là có cơ sở được chấp nhận, cần chấp nhận đơn kháng cáo của ông A, sửa án sơ thẩm. Về một khoản tiền tương đương giá trị đặt cọc thì do ông A không yêu cầu nên Tòa không đặt ra xem xét.

[3] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do kháng cáo của ông A được chấp nhận, cần xác định lại tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo đó ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông A không phải chịu án dân sự phúc thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông A.

2/. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, như sau như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1./ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu ông B trả lại số tiền lúa giống đã dùng để đặt cọc.

Buộc ông B trả cho ông A số tiền lúa giống là 89.719.000 đồng (tám mươi chín triệu, bảy trăm mười chín ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông B còn phải trả lãi cho ông A theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2./ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông B phải chịu án phí là 4.486.000 đồng.

Ông A không phải chịu, ông A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.450.000 đồng, theo biên lai thu số 0005105 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông A không phải chịu; Hoàn trả cho ông A số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0007172 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hùng Nuôi Nguyễn Hoàng Thành

Thái Rết